TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN – TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán, chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Vân và ông Nguyễn Văn Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1120/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu D, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ H, khu V, phường T, TP .Q, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ H, khu V, phường T, TP .Q, tỉnh Bình Định.

(Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Thu D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Minh B vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 19/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu D trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Minh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09.6.2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, TP .Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B đi làm nhưng không đưa tiền cho chị lo sinh hoạt gia đình mà dùng để cờ bạc. Đến tháng 07.2024 khi chị phát hiện anh B có nợ nần, anh B yêu cầu chị phải đưa tiền cho anh B để trả nợ và đánh chị nên từ tháng

08/2024 chị về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng sống li thân từ đó cho đến nay. Sau nhiều lần vợ chồng cùng gia đình hai bên ngồi lại hoà giải để hàn gắn nhưng đều không được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống. Hiện nay sức khoẻ chị tốt, không mang thai.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/01/2005 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 14/02/2014, hiện nay đang sống với anh B, sức khỏe bình thường. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Nguyễn Lê Minh T cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Tại bản khai ngày 18.12.2024, bị đơn anh Nguyễn Minh B trình bày:** Anh B thống nhất như lời trình bày của chị D về thời gian và điều kiện kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn xảy ra là do có những vấn đề nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, anh chị đã nhiều lần tìm cách hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên từ tháng 11.2024 chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống li thân từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, các con của anh chị đang trong độ tuổi ăn học nên nay chị D đề nghị ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/01/2005 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 14/02/2014, hiện nay đang sống với anh, sức khỏe bình thường. Nếu toà án giải quyết cho ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Minh T. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh B cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu D, chị D được ly hôn anh Nguyễn Minh B. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Minh T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên không xem xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Minh B là bị đơn trong vụ án, hiện cư trú tại phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thu D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Minh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Thu D và anh Nguyễn Minh B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 6 năm 2004 tại UBND phường T, TP ., tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị D thì nguyên nhân là do anh B đi làm nhưng không đưa tiền cho chị lo sinh hoạt gia đình mà dùng để cờ bạc, gây nợ và đánh chị nên từ tháng 08.2024 chị về nhà mẹ đẻ và sống li thân với anh B từ đó cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa tiến hành hòa giải thì anh B không đến, chứng tỏ anh B không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân của chị D và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/01/2005 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 14/02/2014, hiện nay đang sống với anh B, sức khỏe bình thường.

Chị D đề nghị giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cũng có nguyện vọng nuôi cháu T và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh B có đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để đảm bảo sự phát triển bình thường cho con, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao cho anh B trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Lê Minh T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường. Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu D được ly hôn với anh Nguyễn Minh B.

2 - Về con chung: Chị Lê Thị Thu D và anh Nguyễn Minh B có 02 con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/01/2005 và cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 14/02/2014, hiện nay đang sống với anh B, sức khỏe bình thường.

- Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Minh T, sinh ngày 14/02/2014 cho anh Nguyễn Minh B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Đối với cháu Nguyễn Minh Đ hiện đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Lê Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000969 ngày 06.12.2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

5 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm

Nơi nhận:
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CC THA Tp.Quy Nhơn
- UBND P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn;
(Giấy CNKH số 86 ngày 09.6.2004)
- Các đương sự.